THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2016/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng ngày 28 tháng 3 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 50/2008/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cảng biển do Bộ đội Biên phòng thuộc Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quyết định này áp dụng đối với:

a) Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng, đồn Biên phòng cửa khẩu cảng và trạm Biên phòng cửa khẩu cảng thuộc đồn Biên phòng (sau đây gọi chung là Biên phòng cửa khẩu cảng);

b) Chủ tàu hoặc người quản lý tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu, thuyền trưởng hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi chung là người làm thủ tục); các tổ chức, cá nhân Việt Nam, nước ngoài có liên quan trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

c) Tàu, thuyền Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh; tàu, thuyền, thuyền viên nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng (bao gồm cả các tàu thăm dò,

khai thác, dịch vụ dầu khí hoạt động ngoài khơi; tàu biển nước ngoài được Bộ Giao thông vận tải cấp giấy phép vận tải nội địa; tàu, thuyền thuộc sở hữu của Việt Nam mang cờ quốc tịch nước ngoài);

d) Tàu, thuyền nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân hoặc tàu, thuyền vận chuyển chất phóng xạ; tàu, thuyền nước ngoài đến cảng thực hiện các hoạt động về nghiên cứu khoa học, nghề cá, cứu hộ, trục vớt tài sản chìm đắm, lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển, văn hóa, thể thao, xây dựng công trình biển, khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác về môi trường trong vùng biển Việt Nam sau khi có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép tàu, thuyền đến cảng.

2. Quyết định này không áp dụng đối với tàu quân sự nước ngoài đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tàu, thuyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ theo quy định của pháp luật Việt Nam; tàu cá Việt Nam; tàu, thuyền Việt Nam hoạt động tuyến nội địa; tàu, thuyền nước ngoài vì lý do khẩn cấp xin vào tránh, trú bão hoặc bị tai nạn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thủ tục biên phòng điện tử cảng biển (sau đây viết gọn là thủ tục biên phòng điện tử) là các thủ tục biên phòng, trong đó người làm thủ tục khai báo và Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận, xử lý, trao đổi thông tin và xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng cho tàu, thuyền, thuyền viên, hành khách nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng thông qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Thủ tục quá cảnh, chuyển cảng chỉ áp dụng cho tàu thuyền nước ngoài.

Thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh áp dụng chung cho cả tàu thuyền Việt Nam và tàu thuyền nước ngoài.

2. Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển (sau đây viết gọn là Cổng thông tin) là điểm truy cập trên môi trường mạng, tích hợp các thông tin, các dịch vụ và ứng dụng, phục vụ cho việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử mà qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin.

3. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử biên phòng cảng biển là hệ thống thiết bị, phần mềm và cơ sở dữ liệu do Bộ đội Biên phòng quản lý tập trung, thống nhất, sử dụng để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử.

4. Bản khai điện tử là biểu mẫu tờ khai dưới dạng điện tử mà người làm thủ tục phải khai báo khi thực hiện thủ tục biên phòng điện tử.

5. Hồ sơ biên phòng điện tử cảng biển (sau đây viết gọn là hồ sơ điện tử) là tập hợp các bản khai điện tử mà người làm thủ tục phải khai báo khi thực hiện thủ tục

biên phòng điện tử, bao gồm: Bản khai chung; Danh sách thuyền viên; Danh sách hành khách (nếu có); Bản khai hàng hóa nguy hiểm, vũ khí, vật liệu nổ (nếu có); Bản khai người trốn trên tàu (nếu có).

6. Khai báo thủ tục biên phòng điện tử là việc người làm thủ tục sử dụng mạng internet thực hiện khai báo các bản khai điện tử và gửi hồ sơ điện tử cho Biên phòng cửa khẩu cảng qua Cổng thông tin.

7. Xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử là việc Biên phòng cửa khẩu cảng sử dụng mạng internet và mạng nội bộ để tiếp nhận, kiểm tra, xử lý thông tin, gửi thông báo kết quả hoàn thành thủ tục biên phòng đối với tàu, thuyền, thuyền viên nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng cho người làm thủ tục qua Cổng thông tin.

8. Hồ sơ giấy là tập hợp các loại giấy tờ mà người làm thủ tục phải nộp và xuất trình theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 50/2008/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển.

9. Từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử là việc Biên phòng cửa khẩu cảng gửi thông báo cho người làm thủ tục về việc chuyển hình thức thực hiện thủ tục biên phòng qua Cổng thông tin sang hình thức kiểm tra, thực hiện thủ tục biên phòng trực tiếp tại tàu, thuyền.

10. Tàu, thuyền chuyển cảng là tàu, thuyền mang cờ quốc tịch nước ngoài (bao gồm cả tàu, thuyền thuộc sở hữu của Việt Nam mang cờ quốc tịch nước ngoài) đã làm thủ tục nhập cảnh tại một cảng biển của Việt Nam sau đó di chuyển đến một cảng biển khác trong nước.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử

Phải đảm bảo sự bình đẳng, an toàn, công khai, minh bạch, nhanh chóng, thuận tiện và tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về giao dịch điện tử và xuất nhập cảnh và phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

Điều 5. Xác nhận hoàn thành và từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển

1. Biên phòng cửa khẩu cảng xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng trên cơ sở khai báo thủ tục biên phòng điện tử của người làm thủ tục.

2. Biên phòng cửa khẩu cảng từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử vì các lý do:

a) Quốc phòng, an ninh;

b) Các lý do đặc biệt ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội hoặc vì lý do đảm bảo an toàn hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

c) Tàu, thuyền có dấu hiệu rõ ràng vi phạm pháp luật;

d) Người làm thủ tục khai báo thủ tục biên phòng điện tử không đầy đủ, không chính xác.

Điều 6. Nội dung thực hiện thủ tục biên phòng điện tử

1. Thủ tục biên phòng điện tử được thực hiện 24/24 giờ hàng ngày. Khi Cổng thông tin được kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia, người làm thủ tục thực hiện khai báo các bản khai điện tử và gửi hồ sơ điện tử cho Biên phòng cửa khẩu cảng, tiếp nhận xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cảng biển thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo các quy định về thủ tục điện tử đối với tàu, thuyền vào rời cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia có sự cố (thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu, đường truyền kết nối tại hệ thống xử lý dữ liệu điện tử biên phòng cảng biển bị hỏng, bị lỗi), người làm thủ tục thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển qua Cổng thông tin.

2. Khuôn dạng các bản khai điện tử do Bộ Quốc phòng quy định. Nội dung các bản khai điện tử phải thống nhất với nội dung các bản khai giấy theo quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý cảng biển và luồng hàng hải và các bản khai tương ứng đăng tải trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

3. Tàu, thuyền nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng đến sau khi hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử và thủ tục của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển:

a) Được phép thực hiện các hoạt động phục vụ xếp, dỡ hàng hóa và các hoạt động khác theo chương trình, kế hoạch;

b) Thuyền viên thuộc tàu, thuyền đó được phép đi bờ ngay sau khi tàu, thuyền neo đậu an toàn tại cảng. Việc đi bờ của thuyền viên thực hiện theo các quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 44 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014 và Điều 18 Nghị định số 50/2008/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển.

4. Sau khi hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử, tàu, thuyền xuất cảnh, chuyển cảng đi

a) Tiếp tục được thực hiện các hoạt động phục vụ xếp, dỡ hàng hóa và các hoạt động khác theo chương trình, kế hoạch cho đến khi rời cảng;

b) Trường hợp có sự thay đổi về thuyền bộ hoặc vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam phải xử lý thì phải làm lại thủ tục biên phòng. Tàu, thuyền chỉ được phép rời cảng khi mọi vấn đề liên quan đến con tàu, thuyền viên, hành khách, hàng hóa đã được xử lý, giải quyết xong.

5. Sau khi hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử, người làm thủ tục phải nộp và xuất trình các loại giấy tờ theo thời hạn quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 7 Quyết định này như sau:

a) Đối với tàu, thuyền nhập cảnh:

- Giấy tờ phải nộp (01 bản chính): Bản khai chung; Danh sách thuyền viên; Danh sách hành khách (nếu có); Bản khai hàng hóa nguy hiểm, vũ khí, vật liệu nổ (nếu có); Bản khai người trốn trên tàu (nếu có).

- Giấy tờ phải xuất trình (bản chính): Sổ thuyền viên, hộ chiếu thuyền viên hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu của thuyền viên; hộ chiếu của hành khách (nếu có).

b) Đối với tàu, thuyền xuất cảnh:

- Giấy tờ phải nộp (01 bản chính): Bản khai chung; Danh sách thuyền viên (nếu có thay đổi so với khi nhập cảnh); Danh sách hành khách (nếu có thay đổi so với khi nhập cảnh); Bản khai hàng hóa nguy hiểm, vũ khí, vật liệu nổ (nếu có thay đổi so với khi nhập cảnh).

- Giấy tờ phải xuất trình (bản chính): Sổ thuyền viên, hộ chiếu thuyền viên hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu của thuyền viên; hộ chiếu của hành khách (nếu có).

c) Đối với tàu, thuyền quá cảnh: Tại cửa khẩu cảng nhập cảnh thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản này, tại cửa khẩu cảng xuất cảnh thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản này.

d) Sau khi Cổng thông tin áp dụng chữ ký điện tử, người làm thủ tục sử dụng chữ ký điện tử không phải nộp cho Biên phòng cửa khẩu cảng các loại giấy tờ: Bản khai chung, Danh sách thuyền viên, Danh sách hành khách, Bản khai hàng hóa nguy hiểm, vũ khí, vật liệu nổ; Bản khai người trốn trên tàu.

Đối với các loại giấy tờ phải xuất trình (Sổ thuyền viên, hộ chiếu thuyền viên hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu của thuyền viên; hộ chiếu của hành khách), người làm thủ tục thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 7 Quyết định này.

6. Trường hợp người làm thủ tục phát hiện sai sót hoặc cập nhật được thông tin cần khai báo bổ sung, thông tin phải khai báo theo quy định nhưng phát sinh sau thời điểm đã nhận được xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử, người làm thủ tục được phép sửa chữa, bổ sung nội dung khai báo trong hồ sơ điện tử theo thời hạn quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 7 Quyết định này nhưng phải được sự chấp thuận của Biên phòng cửa khẩu cảng.

7. Trường hợp không thể thực hiện thủ tục biên phòng điện tử do hệ thống xử lý dữ liệu điện tử biên phòng cảng biển có sự cố (thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu, đường truyền kết nối tại hệ thống xử lý dữ liệu điện tử biên phòng cảng biển bị hỏng, bị lỗi):

a) Biên phòng cửa khẩu cảng phải thông báo cho người làm thủ tục bằng văn bản, điện thoại hoặc thư điện tử để làm thủ tục biên phòng cho tàu, thuyền đến, rời cảng theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Nghị định số 50/2008/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển;

b) Người làm thủ tục khai báo, nộp bản khai giấy; Biên phòng cửa khẩu cảng xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng theo thời hạn quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 7 Quyết định này.

Đối với tàu, thuyền nhập cảnh, quá cảnh đến cảng, chuyển cảng đến, người làm thủ tục được sửa chữa, bổ sung hồ sơ giấy theo quy định như đối với hồ sơ điện tử.

c) Sau khi Biên phòng cửa khẩu cảng xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng, hoạt động của tàu, thuyền, thuyền viên thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Khoản 4 Điều này;

d) Biên phòng cửa khẩu cảng từ chối thực hiện thủ tục biên phòng tại trụ sở Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc tại trụ sở Cảng vụ hàng hải (hoặc văn phòng đại diện Cảng vụ hàng hải), chuyển sang thực hiện thủ tục trực tiếp tại tàu vì các lý do: Quốc phòng, an ninh; các lý do đặc biệt ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội hoặc vì lý do đảm bảo an toàn hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường; tàu, thuyền có dấu hiệu rõ ràng vi phạm pháp luật; người làm thủ tục khai báo các loại giấy tờ không đầy đủ, không chính xác.

Điều 7. Địa điểm, thời hạn thực hiện thủ tục biên phòng điện tử

1. Địa điểm

a) Người làm thủ tục khai báo và nhận xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử tại bất kỳ nơi nào có thể truy cập internet;

b) Biên phòng cửa khẩu cảng thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại trụ sở Biên phòng cửa khẩu cảng; tiếp nhận hồ sơ giấy tại trụ sở Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc tại trụ sở Cảng vụ hàng hải (hoặc văn phòng đại diện Cảng vụ hàng hải).

2. Thời hạn

a) Thời hạn khai báo và xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử; nộp và xuất trình hồ sơ giấy:

- Chậm nhất 04 (bốn) giờ trước khi tàu, thuyền dự kiến đến cảng và 02 (hai) giờ trước khi tàu, thuyền dự kiến rời cảng, người làm thủ tục phải khai báo thủ tục biên phòng điện tử. Thời gian bắt đầu thực hiện thủ tục biên phòng điện tử được xác định từ thời điểm Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận đầy đủ hồ sơ điện tử qua Cổng thông tin.

Chậm nhất 01 (một) giờ kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ điện tử, Biên phòng cửa khẩu cảng phải xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử. Thời điểm xác định hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử là thời điểm người làm thủ tục nhận được xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử qua Cổng thông tin;

- Đối với tàu, thuyền nhập cảnh; tàu, thuyền quá cảnh đến cảng, chậm nhất 10 (mười) giờ sau khi tàu, thuyền neo đậu an toàn tại cảng, người làm thủ tục phải nộp và xuất trình các loại giấy tờ theo quy định cho Biên phòng cửa khẩu cảng.

Đối với tàu, thuyền xuất cảnh; tàu, thuyền quá cảnh rời cảng, chậm nhất ngay trước khi tàu, thuyền rời cảng, người làm thủ tục phải nộp và xuất trình các loại giấy tờ theo quy định cho Biên phòng cửa khẩu cảng.

- Đối với tàu, thuyền thời gian neo đậu tại cảng dưới 24 (hai bốn) giờ, không thay đổi về thuyền viên, hành khách (nếu có), người làm thủ tục được phép khai báo thủ tục xuất cảnh cho tàu, thuyền ngay sau khi khai báo thủ tục nhập cảnh; nộp, xuất trình hồ sơ giấy của thủ tục nhập cảnh và thủ tục xuất cảnh cho Biên phòng cửa khẩu cảng một lần.

b) Thời hạn gửi và xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử đối với hồ sơ điện tử sửa chữa, bổ sung:

- Chậm nhất 02 (hai) giờ sau khi đến cảng kể từ thời điểm neo đậu an toàn tại cảng, đối với tàu, thuyền nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng, người làm thủ tục phải gửi hồ sơ điện tử sửa chữa, bổ sung cho Biên phòng cửa khẩu cảng. Chậm nhất 30 (ba mươi) phút kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ điện tử sửa chữa, bổ sung, Biên phòng cửa khẩu cảng phải xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử đối với hồ sơ điện tử sửa chữa, bổ sung.

- Chậm nhất 01 (một) giờ trước khi rời cảng đối với tàu, thuyền xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng, người làm thủ tục phải gửi hồ sơ điện tử sửa chữa, bổ sung cho Biên phòng cửa khẩu cảng. Chậm nhất ngay trước khi tàu, thuyền rời cảng, Biên phòng cửa khẩu cảng phải xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử đối với hồ sơ điện tử sửa chữa, bổ sung.

c) Thời hạn thực hiện thủ tục biên phòng trong trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử biên phòng cảng biển có sự cố:

- Chậm nhất 02 (hai) giờ trước khi tàu, thuyền dự kiến đến, rời cảng, người làm thủ tục khai báo, nộp các loại giấy tờ quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 6 Quyết định này cho Biên phòng cửa khẩu cảng.

Chậm nhất 01 (một) giờ kể từ khi tiếp nhận đầy đủ các loại giấy tờ, Biên phòng cửa khẩu cảng phải xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng.

- Chậm nhất 10 (mười) giờ sau khi tàu, thuyền neo đậu an toàn tại cảng, chậm nhất 02 (hai) giờ trước khi tàu thuyền dự kiến rời cảng người làm thủ tục phải xuất trình các loại giấy tờ theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 6 Quyết định này cho Biên phòng cửa khẩu cảng.

Điều 8. Trách nhiệm của các Bộ, ngành; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử

1. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan; phối hợp với Ban chỉ đạo thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia của Chính phủ trong triển khai thực hiện thủ tục biên phòng điện tử và tích hợp thủ tục biên phòng điện tử cảng biển với Hệ thống một cửa quốc gia;

b) Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện thủ tục biên phòng điện tử, các mẫu biểu trong hồ sơ biên phòng điện tử cảng biển và các mẫu biểu bổ trợ liên quan phù hợp với Công ước tạo thuận lợi trong giao thông hàng hải quốc tế (Công ước Fal 65); sửa chữa, bổ sung trong khai báo hồ sơ biên phòng điện tử; công tác kiểm tra, giám sát, cấp các loại giấy phép cho người, phượng tiện ra vào, hoạt động tại khu vực cửa khẩu cảng biển; bảo mật thông tin; xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo; cấp tài khoản truy cập cho người làm thủ tục để truy cập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử; hướng dẫn thực hiện các vấn đề phát sinh, trong quá trình hoàn thiện kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia;

c) Đề xuất, ban hành các cơ chế, chính sách, lộ trình, kinh phí, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị để triển khai chính thức thủ tục biên phòng điện tử trên hệ thống cảng biển toàn quốc do Bộ Quốc phòng quản lý;

d) Tổ chức tuyên truyền, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan tham gia thực hiện thủ tục biên phòng điện tử; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, xử lý các vướng mắc phát sinh;

đ) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này;

e) Đảm bảo kinh phí và các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho việc triển khai thực hiện thủ tục biên phòng điện tử;

g) Sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện thủ tục biên phòng điện tử;

h) Chỉ đạo Bộ đội Biên phòng

- Xây dựng, triển khai dự án thực hiện thủ tục biên phòng điện tử đối với Biên phòng cửa khẩu cảng; xây dựng lộ trình nâng cấp, hoàn thiện hệ thống xử lý dữ liệu điện tử biên phòng cảng biển, áp dụng chữ ký số, loại bỏ các loại giấy tờ phải nộp trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử; tổ chức đào tạo, tập huấn, bố trí cán bộ có đủ trình độ, năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu thực hiện thủ tục biên phòng điện tử;

- Thẩm định, kiểm tra cho phép tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện thủ tục biên phòng điện tử; cung cấp tài khoản truy cập Cổng thông tin; hướng dẫn cài đặt, khai báo thông tin cho người làm thủ tục tham gia thực hiện thủ tục biên phòng điện tử;

- Cung cấp, chia sẻ thông tin liên quan đến tàu, thuyền, thuyền viên, hành khách cho các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển, chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, thực hiện thủ tục biên phòng điện tử;

- Xử lý theo quy định của pháp luật các hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử.

2. Trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan

a) Bộ Tài chính

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trực thuộc phối hợp với Bộ đội Biên phòng trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử; chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện thủ tục điện tử (bao gồm cả thủ tục biên phòng điện tử cảng biển) đối với tàu, thuyền đến, rời cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi thông qua Cơ chế một cửa quốc gia.

b) Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trực thuộc phối hợp với Bộ đội Biên phòng trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi thực hiện thủ tục biên phòng điện tử

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các sở, ban, ngành chức năng địa phương nơi thực hiện thủ tục biên phòng điện tử phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Biên phòng cửa khẩu cảng triển khai thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại địa phương.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện thủ tục biên phòng điện tử; xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử

a) Tổ chức, cá nhân, cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng thực hiện thủ tục biên phòng điện tử phải tuân thủ các quy định tại Quyết định này và các quy định khác

của pháp luật Việt Nam về xuất nhập cảnh; quản lý, bảo vệ an ninh trật tự tại cửa khẩu cảng biển; quản lý cảng biển và luồng hàng hải; giao dịch điện tử. Mọi hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật;

b) Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử, được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2016.

2. Bãi bỏ Quyết định số 22/2011/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thí điểm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng